TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm

2. Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:* Bà Hồ Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 379/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 15 ngày 27/02/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị H, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Thôn G, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã N, tỉnh Thanh Hóa).

- *Bị đơn:* Ông Thái Văn O, sinh năm 1985 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ thường trú: Ấp M, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau).

Địa chỉ tạm trú: Nhà trọ N, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2025, bản tự khai, đơn xin vắng mặt, nguyên đơn bà Lương Thị H trình bày:

Bà H và ông Thái Văn O tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2015 tại UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau).

Vợ chồng chung sống chỉ hạnh phúc được một thời gian, sau đó thường

xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự đồng cảm, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mặc dù bà H đã cố gắng để vợ chồng cùng hàn gắn xây dựng gia đình nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Bà H và ông O không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên đã ly thân. Bà H cùng con đã về xã N, tỉnh Thanh Hóa sinh sống.

Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà H quyết định ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông O có 01 con chung là cháu Thái Trúc H1, sinh ngày 25/02/2016 hiện do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu H1 do bà H nuôi dưỡng học tập đã ổn định, do vậy bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu ông O phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ dân sự của vợ chồng: Bà H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Thái Văn O đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát :

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị Toà án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà án xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết là ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 – thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân: Bà H và ông O tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 27/5/2015 tại UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Đ, tỉnh

Cà Mau), là hôn nhân hợp pháp.

Lý do bà H yêu cầu ly hôn với ông O vì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự đồng cảm, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mặc dù bà H đã cố gắng để vợ chồng cùng hàn gắn xây dựng gia đình nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà H quyết định ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông O đến Tòa án để ông O trình bày ý kiến nhưng ông O đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Điều này cho thấy ông O không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân. Đã có căn cứ khẳng định, mâu thuẫn giữa bà H và ông O đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà H yêu cầu ly hôn với ông O là có căn cứ.

Về con chung: Bà H và ông O có 01 con chung là cháu Thái Trúc H1, sinh ngày 25/02/2016 hiện do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu H1 do bà H nuôi dưỡng học tập đã ổn định, cháu H1 có nguyện vọng muốn sống với bà H. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà H giao cháu H1 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H tự nguyện không yêu cầu ông O phải cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự nguyện của bà H, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ dân sự của vợ chồng: Đương sự không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị H đối với bị đơn ông Thái Văn O về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con"; bà Lương Thị H được ly hôn với ông Thái Văn O.

2. Về con chung: Giao cháu Thái Trúc H1, sinh ngày 25/02/2016 cho bà Lương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lương Thị H không yêu cầu ông Thái Văn O phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con.

Bà Lương Thị H và ông Thái Văn O đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Ông Thái Văn O được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ dân sự của vợ chồng: Đương sự không tranh chấp, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lương Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0023823 ngày 07/10/2025 Phòng thi hành án dân sự khu vực 18 – thành phố Hồ Chí Minh).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai.

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Th Nguyễn Kim L Thế Thị Ngọc A

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 – Tp Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18 – Tp Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Định Thành, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thế Thị Ngọc Anh